

Số: 01 /KHCS-NTT

Đức An, ngày 6 tháng 3 năm 2023

KẾ HOẠCH

Triển khai đánh giá mức độ chuyển đổi số trong trong nhà trường, năm học 2022-2023

Thực hiện Kế hoạch số 74/KH-PGDĐT ngày 16/02/2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo về việc triển khai các nhiệm vụ về chuyển đổi số và Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số của cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên của Bộ giáo dục.

Trường THCS Nguyễn Tất Thành xây dựng kế hoạch triển khai đánh giá mức độ chuyển đổi số trong nhà trường năm học 2022-2023, như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

- Tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức của cán bộ quản lí, giáo viên, nhân viên về ý nghĩa, tác dụng của chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo. Thúc đẩy chuyển đổi số ở nhà trường.
- Phát hiện các điển hình, mô hình chuyển đổi số làm tốt để nhân rộng, tạo phong trào thực hiện chuyển đổi số trong nhà trường.
- Đảm bảo thực hiện kiểm tra, đánh giá khách quan, thực chất, công bằng kết quả chuyển đổi số trong đơn vị. Trong quá trình tự đánh giá, thực hiện thu thập, lập danh mục minh chứng theo các tiêu chí của Bộ chỉ số.

II. NỘI DUNG

1. Đối tượng áp dụng

Việc đánh giá mức độ Chuyển đổi số được áp dụng đối với các trường tiểu học, THCS và THPT trên địa bàn huyện.

2. Cấu trúc Bộ chỉ số

Cấu trúc của Bộ chỉ số gồm 02 nhóm tiêu chí thành phần như sau:

- Nhóm tiêu chí “Chuyển đổi số trong dạy, học”.
- Nhóm tiêu chí “Chuyển đổi số trong quản trị nhà trường”.

Chi tiết Bộ chỉ số tại Phụ lục kèm theo.

3. Mức độ chuyển đổi số

Mức độ chuyển đổi số tại nhà trường được đánh giá theo từng nhóm tiêu chí thành phần (như mục 2), thang điểm tối đa là 100, mỗi nhóm tiêu chí được đánh giá ở ba mức độ:

- Mức chưa đáp ứng (Mức độ 1): Tổng điểm của mỗi nhóm tiêu chí dưới 50. Ở mức này, nhà trường chưa đáp ứng các yêu cầu cơ bản về triển khai chuyển đổi số.

- Mức đáp ứng cơ bản (Mức độ 2): Tổng điểm của mỗi nhóm tiêu chí đạt từ 50 đến 75. Ở mức này, nhà trường đã đáp ứng yêu cầu cơ bản về triển khai chuyển đổi số.

- Mức đáp ứng tốt (Mức độ 3): Tổng điểm của mỗi nhóm tiêu chí đạt trên 75. Ở mức này, nhà trường đáp ứng tốt các yêu cầu cơ bản và một số yêu cầu nâng cao về triển khai chuyển đổi số.

4. Quy định việc tự đánh giá; nộp hồ sơ, báo cáo

a) Việc tự đánh giá, xếp loại

- Nhà trường thành lập Hội đồng tự kiểm tra, đánh giá mức độ chuyển đổi số tại đơn vị.

- Thực hiện việc tự đánh giá theo quy định (có Biên bản lưu hàng năm).

- Lập hồ sơ, sắp xếp các minh chứng theo từng nhóm tiêu chí; lưu trữ, bảo quản tại đơn vị, phục vụ công tác kiểm tra, thẩm định của cấp trên khi được yêu cầu.

b) Việc nộp hồ sơ, báo cáo

- Hồ sơ được đóng thành quyển, sắp xếp theo thứ tự như sau:

+ Bìa (mẫu M1);

+ Tờ trình (mẫu M2);

+ Biên bản tự kiểm tra, đánh giá mức độ chuyển đổi số (mẫu M3);

+ Báo cáo công tác triển khai việc đánh giá mức độ chuyển đổi số (mẫu M4);

+ Quyết định phê duyệt kết quả tự đánh giá.

- Nộp hồ sơ về Phòng GDĐT trước ngày 31/3/2023.

III. NHIỆM VỤ TRIỂN KHAI

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong nhà trường về ý nghĩa, tầm quan trọng của chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo trong giai đoạn hiện nay.

- Tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện đầy đủ nội dung của Quyết định 4725/QĐ-BGDĐT đến toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên trong nhà trường.

- Nhà trường tiến hành thu thập, tập hợp, lập danh mục minh chứng theo các tiêu chí của Bộ chỉ số.

- Triển khai các nhiệm vụ đảm bảo đúng tiến độ, nội dung của Kế hoạch theo phụ lục đính kèm.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

a) Hiệu trưởng ban hành kế hoạch, thực hiện tự đánh giá, chấm điểm mức độ chuyển đổi số theo các tiêu chí của Bộ chỉ số. Hiệu trưởng ban hành quyết định phê duyệt kết quả tự đánh giá.

b) Báo cáo công tác triển khai tự đánh giá, kết quả đánh giá mức độ chuyển đổi số về phòng giáo dục (*Bộ hồ sơ được quy định tại mục 4 phần II của Kế hoạch này*) theo đúng thời gian quy định

c) Cập nhật kết quả tự đánh giá lên hệ thống cơ sở dữ liệu Ngành, trên Wesbite nhà trường trước ngày 31/5/2023.

Trên đây là kế hoạch triển khai đánh giá mức độ chuyển đổi số trong nhà trường, năm học 2022-2023 của trường THCS Nguyễn Tất Thành./.

Nơi nhận:

- Phòng GDĐT;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG



Paul

Cấn Thị Thành

H.
TR
UNG
NGUY
1/5

PHỤ LỤC
BỘ CHỈ SỐ ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ CHUYÊN ĐỔI SỐ
TRONG CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC PHỔ THÔNG

(Kèm theo Kế hoạch số 303/KH-PGDĐT ngày 28 tháng 02 năm 2023 của Phòng GDĐT)

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm thành phần	Mức độ	Ghi chú, minh chứng
I	Chuyển đổi số trong dạy, học	100			
1.1	Có ban hành kế hoạch tổ chức dạy học trực tuyến (kết hợp với dạy học trực tiếp; ban hành riêng hoặc lồng ghép trong kế hoạch tổ chức dạy học hằng năm)				Điều kiện bắt buộc
1.2.	Có ban hành quy chế tổ chức dạy học trực tuyến				Điều kiện bắt buộc
1.3.	<p>Triển khai phần mềm dạy học trực tuyến:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có triển khai phần mềm dạy học trực tuyến trực tiếp (ghi tên) - Có triển khai hệ thống quản lý học tập trực tuyến (LMS)/hệ thống quản lý nội dung học tập trực tuyến (LCMS) (cung cấp thông tin: Tên giải pháp, tự xây dựng/thuê/mua). - Hệ thống LMS/LCMS có triển khai các chức năng: <ol style="list-style-type: none"> (1) Giáo viên giao bài cho học sinh tự học; (2) Giáo viên trả lời (giải đáp) các câu hỏi của học sinh; (3) Tổ chức kiểm tra, đánh giá thường xuyên; (4) Phụ huynh học sinh tham gia vào các hoạt động học tập của học sinh. 	30	<p>Tối đa 6 điểm.</p> <p>Tối đa 24 điểm, mỗi chức năng triển khai tối đa 6 điểm.</p>	<p>Mức độ 1: dưới 10 điểm</p> <p>Mức độ 2: từ 10 -20 điểm</p> <p>Mức độ 3: trên 20 điểm</p>	Đường link
1.4.	Số lượng học liệu được số hóa (đã được tổ chuyên môn thông qua và được người đứng đầu cơ sở giáo dục phê duyệt).	10	<ul style="list-style-type: none"> - Ít hơn 20 học liệu: tối đa 3 điểm. - Ít hơn 40 học liệu: tối đa 6 điểm. 	<p>Mức độ 1: dưới 4 điểm</p> <p>Mức độ 2: từ 4 - 6 điểm</p> <p>Mức độ 3: trên 7 điểm</p>	Đường link và số lượng học liệu

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm thành phần	Mức độ	Ghi chú, minh chứng
1.5.	Có tổ chức triển khai thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập trên phòng máy tính: có phần mềm, máy tính kết nối mạng LAN (cung cấp thông tin: tên giải pháp phần mềm)	20	- Tối đa 15 điểm	Mức độ 1: dưới 8 điểm Mức độ 2: từ 8 - 14 điểm Mức độ 3: trên 14 điểm	Quy chế /Kế hoạch /văn bản triển khai
	Phần mềm tổ chức thi trên máy tính có kết nối, trao đổi kết quả với hệ thống quản trị nhà trường		- Tối đa 5 điểm		
1.6.	Phát triển nguồn nhân lực chuyên đổi số: - Tỷ lệ giáo viên có tài khoản sử dụng trên Hệ thống bồi dưỡng giáo viên trực tuyến để tự bồi dưỡng qua mạng một cách chủ động, thường xuyên theo nhu cầu	20	- <30%: tối đa 2 điểm; - 30%-60%: tối đa 4 điểm; - >60%: tối đa 7 điểm.	Mức độ 1: dưới 8 điểm Mức độ 2: từ 8 - 14 điểm Mức độ 3: trên 14 điểm	
	- Tỷ lệ giáo viên có thể khai thác sử dụng được các phần mềm, công cụ nhằm đổi mới phương pháp dạy học		<30%: tối đa 2 điểm; 30%-60%: tối đa 4 điểm; >60%: tối đa 7 điểm		
	- Tỷ lệ giáo viên có thể xây dựng được học liệu số, bài giảng điện tử		<30%: tối đa 2 điểm; 30%-60%: tối đa 4 điểm; >60%: tối đa 6 điểm.		
1.7.	Hạ tầng, thiết bị sử dụng chuyên đổi số dạy, học: - Tỷ lệ phòng học có thiết bị trình chiếu, thiết bị phụ trợ sử dụng dạy-học và kết nối Internet trên tổng số phòng học	20	<20%>: tối đa 2 điểm; 20%-60%: tối đa 5 điểm; >60%: tối đa 8 điểm	Mức độ 1: dưới 8 điểm Mức độ 2: từ 8 - 14 điểm Mức độ 3: trên 14 điểm	

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm thành phần	Mức độ	Ghi chú, minh chứng
	Mức độ đáp ứng yêu cầu môn Tin học ¹		Mức độ 1: tối đa 2 điểm; Mức độ 2: tối đa 5 điểm; Mức độ 3: tối đa 7 điểm		
	- Có phòng studio (gồm máy tính, thiết bị phục trợ cho việc xây dựng học liệu số, bài giảng điện tử)		Tối đa 5 điểm		
2	Chuyển đổi số trong quản trị cơ sở giáo dục	100			
2.1.	Cơ sở giáo dục thành lập bộ phận chỉ đạo, phụ trách, triển khai ứng dụng CNTT, chuyển đổi số (thông tin: Họ tên, chức vụ, email, điện thoại)				Điều kiện bắt buộc
2.2.	Có ban hành kế hoạch ứng dụng CNTT, chuyển đổi số				Điều kiện bắt buộc
2.3	Có triển khai phần mềm quản trị nhà trường (cung cấp thông tin: tên giải pháp, tự xây dựng/mua/thuê): - Có ban hành quy chế sử dụng hệ thống quản trị nhà trường	70	Tối đa 6 điểm	Mức độ 1: dưới 20 điểm Mức độ 2: từ 20-50 điểm Mức độ 3: trên 50 điểm	Đường link/Quy chế/Văn bản hướng dẫn
	- Có triển khai phân hệ quản lý học sinh (quản lý hồ sơ, kết quả học tập)		Tối đa 6 điểm		
	- Có triển khai sổ điểm điện tử, học bạ điện tử		File PDF: tối đa 3 điểm; Áp dụng chứng thư số: tối đa 10 điểm		
	- Có triển khai phân hệ quản lý đội ngũ CBVCNV		Tối đa 6 điểm		

¹ **Mức độ 1** (chưa đáp ứng yêu cầu dạy môn tin học): Với Tiểu học có nhiều hơn 3 học sinh phải học chung 1 máy tính; THCS có nhiều hơn 2 học sinh phải học chung 1 máy tính; THPT có nhiều hơn 1 học sinh phải học chung 1 máy tính. **Mức độ 2** (đáp ứng cơ bản yêu cầu dạy môn tin học): Với Tiểu học có 2-3 học sinh phải học chung 1 máy tính; THCS có 2 học sinh phải học chung 1 máy tính; THPT mỗi học sinh được học 1 máy tính. **Mức độ 3** (đáp ứng tốt yêu cầu dạy môn tin học): Với Tiểu học đáp ứng mỗi học sinh học trên 1 máy tính; THCS đáp ứng mỗi học sinh học trên 1 máy tính; THPT đáp ứng mỗi học sinh học trên 1 máy tính.

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm thành phần	Mức độ	Ghi chú, minh chứng
	- Có triển khai phân hệ quản lý cơ sở vật chất		Tối đa 10 điểm		
	- Có triển khai phân hệ quản lý thông tin y tế trường học, quản lý thông tin về sức khỏe học sinh		Tối đa 10 điểm		
	- Có triển khai phân hệ quản lý kế toán		Tối đa 6 điểm		
	- Phần mềm kết nối và trao đổi đầy đủ dữ liệu với CSDL ngành (do Bộ quản lý)		Tối đa 6 điểm		
2.4.	Mức độ triển khai dịch vụ trực tuyến: - Có triển khai ứng dụng kết nối giữa gia đình và nhà trường (thông tin: Qua OTT (Over The Top) hoặc qua ứng dụng web)	30	Tối đa 8 điểm	Mức độ 1: dưới 10 điểm Mức độ 2: từ 10-18 điểm Mức độ 3: trên 18 điểm	Đường link/Quy chế/Văn bản hướng dẫn
	- Có triển khai dịch vụ tuyển		Tối đa 12 điểm		
	- Có triển khai dịch vụ thu phí dịch vụ giáo dục theo hình thức		Tối đa 10 điểm		